TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 556/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 23 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 168/2024/TLST-HNGĐày 13 tháng 3 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Kim T, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- *Bị đơn*: Ông Quý L, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 và 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Kim T và ông Quý L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Phước Định T1, sinh ngày 01/8/2017 và Nguyễn Phước Định T2, sinh ngày 04/11/2018.

Giao 02 cháu Nguyễn Phước Đ T1 và Nguyễn Phước Định T2 cho bà Trương Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% mức án phí là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng (mỗi người phải chịu 75.000 đồng) bà Trương Thị Kim T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003265 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, số tiền còn lại 150.000 đồng trả lại cho bà Trương Thị Kim T.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND Tp Huế;
- Chi cục THADS Tp Huế;
- TAND tỉnh TT Huế;
- UBND phường V, (ĐKKH số 22 ngày 12/3/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Nhân Đức